*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**TIẾT: ……… BÀI …..**

**ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**( BÀI THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Năng lực tìm ý và xây dựng cấu trúc một bài văn phân tích

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

 - Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (phân tích một bài thơ tất ngôn bát cú Đường luật).

 **II. Phẩm chất**

 - Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

 - Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

 - Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

 **C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

 **1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

 **2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **NV1: Mục tiêu:** HS cần hiểu và nắm rõ kiến thức về kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** **- GV phát vấn câu hỏi:** *Dựa vào kiến thức đã đọc, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.**NV2: Mục tiêu:** **- HS biết cách làm được kiểu bài viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật.****Hoạt động 1: GV yêu cầu học sinh đọc các bài thơ đã sưu tầm được thuộc thể loại tất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú Đường luật.****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập****- Gv phát vấn câu hỏi:****1/** ? Đọc các bài thơ, thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật mà em sưu tầm được?2/ HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ ?- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**HS:- Nghe / đọc thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật.- Suy nghĩ cá nhân - HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.**Hoạt động 2: GV yêu cầu học sinh lựa chọn ngữ liệu và chuẩn bị cho việc thực hành viết.****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:- GV phát phiếu học tậpEm hãy chép lại một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật và thực hiện các yêu cầu sau:*? Cho biết tên bài thơ và tác giả của bài thơ em vừa chép ?**? Hãy nêu nội dung chính của bài thơ và khái quát chủ đề của bài thơ?**? Hãy cho biết những nghệ thuật nào được sử dụng trong bài thơ và chỉ rõ dấu hiệu của chúng?**? Theo em, một khi viết một bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật cần đảm bảo những yêu cầu gì?***Hoạt động 3: GV yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu mẫu: Bài viết tham khảo “Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương”.****-> Biết yêu cầu của một bài văn phân tích bài thơ .****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**- GV phát văn bản mẫu.- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*Em hãy chỉ ra bố cục của bài văn. Nêu rõ nhiệm vụ của từng phần.***B2: Thực hiện nhiệm vụ**HS:- Đọc văn bản mẫu và trả lời câu hỏi.- Làm việc cá nhân 2’- Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.GV:- Hướng dẫn HS trả lời- Quan sát, theo dõi HS thảo luận**B3: Báo cáo thảo luận**HS:- Trả lời câu hỏi của GV- Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhómB4: Kết luận, nhận địnhGV: - Nhận xét+ Câu trả lời của HS+ Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm+ Sản phẩm của các nhóm | **A. CÁC TRI THỨC CẦN NHỚ** **I. Thế nào là phân tích một tác phẩm văn học?****1. Phân tích văn học** là khám phá các giá trị văn học và vấn đề văn học qua từng khía cạnh và từng biểu hiện cụ thể của tác phẩm.**2. Khi làm bài phân tích văn học, cần chú ý:** - Xác định đúng thể loại của tác phẩm cần phân tích.(Thơ hay truyện..?)- Phân tích tác phẩm văn học là ta phải làm rõ được các giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.**CÁCH LÀM BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC****(Một bài thơ thất ngôn bát cú đường luật, Thất ngôn tứ tuyệt)****I. Yêu cầu.**- Nắm được một số ý khái quát về tác giả và bài thơ. -Hiểu được nội dung cơ bản, khái quát được chủ đề của bài thơ.- Nhận biết và phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.-Khẳng định được vị trí , ý nghĩa của bài thơ.**II. Dàn ý****1. Mở bài**- Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả , tác phẩm .- Nêu nhận xét chung về bài thơ.- Trích dẫn bài thơ.**2. Thân bài**- Phân tích đặc điểm nội dung:* Phân tích hình tượng thơ (thiên nhiên, con người…)
* Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.
* Khái quát chủ đề của bài thơ.

- Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật:* Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân).
* Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình.
* Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc thơ, biện pháp tu từ…)

**3. Kết bài**Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.**Bài mẫu:****Phân tích bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương.****A/ MB: Giới thiệu tác giả Trần Tế Xương và bài thơ “Thương vợ”**\*Tác giả: Tú Xương là nhà thơ trào phúng bậc thầy trong nền văn học Việt nam. Thơ ông bắt nguồn từ tâm huyết với dân, với nước, với đời. Tú Xương cũng đã việt hóa sâu sắc thể thơ Nôm Đường luật, hình ảnh ngôn ngữ bình dị, đậm sắc thái dân gian và nóng hổi hơi thở đời sống.\* Tác phẩm: “Thương vợ” là bài thơ cảm độngnhất trong chùm thơ văn câu đối về đề tài bà Tú. Với tình -cảm thương yêu quý trọng, tác giả đã ghi lại một cách chân thực xúc động hình ảnh người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh.**B/ THÂN BÀI:****Ý 1: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.**Giá trị của tác phẩm:\* Giá trị nội dung:-Xây dựng thành công hình ảnh của bà Tú - một người vợ tảo tần, giàu đức hi sinh, đã gánh vác gia đình với những gánh nặng cơm áo gạo tiền đè lên đôi vai gầy. Đồng thời, thông qua đó, người đọc cũng có thể cảm nhận được tình thương yêu, quý trọng người vợ của Trần Tế Xương.- Ẩn đằng sau hình ảnh của người vợ tảo tần sớm khuya ấy là hình ảnh của ông Tú với đầy những tâm sự. Bà Tú hiện lên càng đảm đang, tháo vát vất vả bao nhiêu thì ông Tú lại càng nhỏ bé, nhạt nhòa, vô dụng bấy nhiêu. Đây chính là sự bất lực của người trí sĩ đương thời trước dòng đời nổi trôi và xã hội quan liêu thối nát.\* Giá trị nghệ thuật- Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt bình dị, tự nhiên và giàu sức biểu cảm; cảm xúc chân thành tiêu biểu cho thơ trữ tình của Trần Tế Xương.- Vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò và cách nói của văn học dân gian trong việc khắc họa hình ảnh của bà Tú - Hình ảnh của bà Tú được nhắc đến với giọng điệu ngợi ca, đầy yêu thương còn hình ảnh của tác giả ẩn đằng sau đó lại được nhắc đến với giọng điệu trào phúng, bất lực**Ý 2: Phân tích tác phẩm.**a. Hai câu thực:“Quanh năm buôn bán ở mom sôngNuôi đủ năm con với một chồng” -Công việc của bà Tú là buôn bán. Thời gian làm việc là quanh năm, tức là từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, không có một ngày được nghỉ ngơi. Địa điểm làm việc ở mom sông. Phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông, nơi người làng chài thường hay tụ tập mua bán. Ở đây cũng gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cuộc đời lắm cơ cực, phải vật lộn để kiếm sống.-“Nuôi đủ năm con với một chồng” ý nói gánh nặng gia đình đang đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ. Tú Xưng dùng cách đếm con, chồng nhằm ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, còn người chồng đang phải “ăn lương vợ”-Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú.b. Hai câu đề:“Lặn lội thân cò khi quãng vắngEo sèo mặt nước buổi đò đông”-Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tế Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Thân cò lầm lũi gợi liên tưởng về thân phận vất vả, cực khổ, của bà Tú cũng như những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ. Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm. Câu thơ dùng phép đảo ngữ đưa từ "lặn lội" lên đầu câu và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ vì thế mà cũng sâu sắc hơn, thấm thìa hơn.-Câu thứ tư làm rõ sự vật lộn với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú. Từ "eo sèo" là từ láy tượng thanh ý chỉ sự kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu, gợi tả cảnh tranh bán, cãi vã nơi “mặt nước”. Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ. Chi tiết “buổi đò đông” hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quãng vắng". Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được để “nuôi đủ năm con với một chồng” phải lặn lội trong nắng mưa, phải giành giật, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt trong thời buổi khó khăn.c. Hai câu luận“Một duyên hai nợ, âu đành phận,Năm nắng, mười mưa dám quản công.”-Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ “một duyên hai nợ” và “năm nắng mười mưa”, đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt. Từ “duyên” là duyên số, duyên phận, là cái “nợ” đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng. Còn “nắng”, “mưa” tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực. Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: “một… hai… năm… mười… làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó vì sự ấm no, hạnh phúc của chồng con và gia đình. Từ “Âu đành phận”, “dám quản công” làm giọng thơ nhiều xót xa, thương cảm, thương mình, thương gia cảnh nhiều éo le. Ta thấy sáu câu thơ đầu bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương chịu khó, thầm lăng hi sinh cho hạnh phúc gia đình.d. Hai câu kết “Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,Có chồng hờ hững cũng như không.”-Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi “mom sông” lúc “buổi đò đông” đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị. Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thầm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú Xương dám thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp.-Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con, thương gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương mình vậy: nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi.**Ý 3: Khái quát cuối:** \*Vài nét đặc sắc về nghệ thuật + Liên hệ mở rộng."Thương vợ" là một trong những bài thơ mà Tú Xương vận dụng một cách rất sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian.-Về hình ảnh: Trong ca dao, hình ảnh con cò có khá nhiều ý nghĩa: có khi nói về thân phận người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó; có khi lại tượng trưng cho thân phận người lao động với nhiều bất trắc thua thiệt.*Con cò lặn lội bờ sôngGánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non**Hay:**Con cò mày đi ăn đêmĐậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*Như thế, con cò trong ca dao vốn đã gợi nhiều cay đắng, xót xa. Song dường như ứng vào nhân vậ cụ thể là bà Tú thì nó lại càng gợi sự xót xa, tội nghiệp nhiều hơn. Hơn thế nữa so với từ "con cò" trong ca dao thì từ "thân cò" của Tú Xương mang tính khái quát cao hơn, đó như thân phận của người phụ nữ trong cuộc sống gia đình, hi sinh tất cả vì chồng vì con. Do vậy, mà tình yêu thương của Tú Xương cũng thấm thía và sâu sắc hơn.- Về từ ngữ:-Thành ngữ "năm nắng mười mưa" được vận dụng một cách rất sáng tạo.- Cụm từ "nắng mưa" chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với "nắng, mưa" tạo nên một thành ngữ chéo. Hiệu quả của nó vừa nói lên sự vất vả, gian lao, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con của bà Tú.-Bên cạnh đó chủ đề “Duyên nợ” trong ca dao cũng được tác giải sử dụng sáng tạo “một duyên hai nợ” muốn nhấn mạnh rằng duyên phận vợ chồng như số phận trời sắp đặt, tình nghĩa vợ chồng vì vậy cũng gắn bó hơn.**III/ KẾT BÀI** \*. Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. “Thương vợ’” là bài thơ trữ tình đặc sắc của Tú Xương nói về người vợ, người phụ nữ ngày xưa với bao đức tính tốt đẹp, hình ảnh bà Tú được nói đến trong bài thơ rất gần gũi với người mẹ, người chị trong mỗi gia đình Việt Nam. Tú Xương chiếm một địa vị vẻ vang trong nền văn học Việt Nam. Tên tuổi ông sống mãi với non Côi, sông Vị.  |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| Mục tiêu 1: Giúp HS- Biết cách tìm ý và lập dàn ý cho bài văn văn phân tích một tác phẩm theo các bước. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)GV phát phiếu học tập số 1.Đề bài: Em hãy phân tích bài thơ sau:*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo**Một chiếc cần câu bé tẻo teo**Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,**Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.**Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,**Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.**Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,**Cá đâu đớp động dưới chân bèo*.( Thu điếu – Nguyễn Khuyến)HS tiếp nhận nhiệm vụ:? Tìm ý, lập dàn ý cho đề bài trên? B2: Thực hiện nhiệm vụGV:- Hướng dẫn HS đọc bài thơ, tìm ý cho bài viết, lập dàn bài.HS:- Đọc bài thơ.- Tìm ý.- Lập dàn ý ra giấy.B3: Báo cáo thảo luận- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.HS:- Đọc sản phẩm của mình.- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.B4: Kết luận, nhận định (GV)- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. | **TRƯỚC KHI VIẾT****1) Tìm ý**- Nhan đề bài thơ: Thu điếu có nghĩa là “Câu cá mùa thu” việc câu cá chẳng qua là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu mà thôi.- ND chính:Văn bản là một bức tranh đẹp về mùa thu ở làng quê VN, một không gian thu trong trẻo, thanh sạch và bình yên với những hình ảnh, đường nét xinh xẻo. Đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế.- Nghệ thuật:+ Cách sử dụng yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình….Các từ gợi tả âm thanh, biểu cảm, các biện pháp tu từ( so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ….)**2) Lập dàn ý**- *Mở đoạn* giới thiệu khái quát, ngắn gọn về Nguyễn Khuyến và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ.- *Thân đoạn*: + Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dungPhân tích hình tượng bài thơPhân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.Khái quát về chủ để của bài thơ.+ Ý 2 Phân tích một số nét về nghệ thuật.Cách sử dụng thể thơ.Những nét đặc sắc trong tả cảnh tả tình.Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ- *Kết đoạn*: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. |

**GV phát phiếu học tập số 2.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Viết bài văn phân tích bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.**

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son

**DÀN Ý CHI TIẾT**

### I. Mở bài:

- Giới thiệu một vài nét về tác giả:

+ Hồ Xuân Hương, nữ sĩ tài ba được ca ngợi là ‘bà chúa thơ Nôm’.

+ Nữ sĩ còn để lại khoảng 50 bài thơ Nôm.

+ Thơ bà có đề tài bình dị, ngôn ngữ thuần Nôm, rất sắc sảo, hóm hỉnh, đa nghĩa.

+ Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, là lời cảm thông, bênh vực người phụ nữ trong cuộc đời.

- Giới thiệu văn bản và chủ đề bài thơ.

+ Bài thất ngôn tứ tuyệt ‘bánh trôi nước’ tiêu biểu cho hồn thơ của nữ sĩ (chép trọn vẹn văn bản):

‘Thân em... tấm lòng son’

+ Chủ đề: Qua việc miêu tả chiếc bánh trôi nước, nữ sĩ gửi gắm bao tình cảm tốt đẹp về phẩm chất và thân phận của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc đời.

### II. Thân bài:

‘Bánh trôi nước’ là một bài thơ bình dị về đề tài, mang hàm nghĩa sâu sắc.

**1.**Bài thơ tả thực cái bánh trôi nước, một món ăn dân tộc được làm bằng bột nếp, sắc trắng trong, dáng bánh tròn. Nhân bánh bằng đường phên (tấm lòng son). Bánh được nấu chín trong nồi nước sôi ‘bảy nổi ba chìm với nước non’.

**2.**Câu thơ thứ nhất nhân hóa cái bánh:

‘Thân em vừa trắng lại vừa tròn’

‘Thản em’là một cách nói khiêm nhường, dịu dàng, kín đáo, một nét đẹp của thiếu nữ.

- Hai vế tiểu đối: ‘vừa trắng II vừa tròn’ có giá trị gợi tả, liên tưởng về vẻ đẹp trinh trắng, duyên dáng của thiếu nữ.

**3.**Câu thơ thứ 2 và thứ 3 mang hàm nghĩa về thân phận người phụ nữ trong cuộc đời ngày xưa:

‘Bảy nổi ba chìm với nước non,

Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn’

- Thành ngữ được vận dụng ‘bảy chìm ba nổi, chín lênh đênh’ trong văn cảnh hàm ý về thân phận vất vả của người phụ nữ, chịu nhiều thiệt thòi do lễ giáo phong kiến trọng nam khinh nữ, do đạo ‘tam tòng’ khắc nghiệt gây nên.

- Hai chữ ‘rắn nát’ ấm chí sô' phận của người phụ nữ được sung sướng hạnh phúc, hoặc bất hạnh đều do ‘tay ke’ nặn’, do cha mẹ hay chồng con định đoạt. Việc hôn nhân do cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Đạo tam tòng chính là ‘tay kẻ nặn’...

- Vần thơ biểu lộ niềm cảm thông sâu sắc của nữ sĩ đối với số phận, thân phận người phụ nữ ngày xưa.

**4.**Câu cuối, hình ảnh ẩn dụ ‘tấm lòng son’ nói về lòng son sắt thủy chung trong tình yêu của người phụ nữ. Đó là vẻ đẹp đôn hậu, vị tha của người mẹ, người chị quê ta.

- Cấu trúc câu thơ: ‘Mặc dù... mà vẫn...’ ở hai câu cuối bài thơ, đặc biệt chữ ‘vẫn’ làm cho ý thơ được khẳng định và ngợi ca tâm hồn trong sáng, tình yêu thủy chung của người phụ nữ Việt Nam:

‘Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn,

Mà em vẫn giữ tấm lòng son’

### III. Kết bài:

- ‘Bánh trôi nước’là một bài thơ Nôm đa nghĩa, nó thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha của Hồ Xuân Hương đối với nền văn hóa dân tộc. Chiếc bánh bình dị của quê hương đã đi vào hồn thơ nữ sĩ và trở thành một bài thơ hay. Nữ sĩ đã dành những lời tốt đẹp ca ngợi bao phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam.

- Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, vận dụng sáng tạo tục ngữ, cách nói cách cảm của dân gian để tạo nên những vần thơ hàm súc đậm đà mang phong cách Hồ Xuân Hương.

**GV phát phiếu học tập số 3.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Viết bài văn phân tích bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài:**

– Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ tài ba vĩ đại của dân tộc Việt Nam, lại vừa là một nhà thơ xuất sắc.

– Giới thiệu khái quát hoàn cảnh ra đời của bài thơ: bài thơ được viết năm 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tại chiến khu Việt Bắc.

– Đánh giá: là bài thơ xuất sắc của Hồ Chí Minh.

**2. Thân bài:**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

– Vẻ đẹp của thiên nhiên vào một đêm trăng nơi chiến khu: hình ảnh trăng, hoa, cây cổ thụ, tiếng suối… Hình ảnh thơ cho thấy một đêm trăng khuya đẹp, thơ mộng.

– Nổi bật lên giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng “lo nỗi nước nhà”. (có thể so sánh : Trong thơ cổ, cảnh đẹp thượng đi liền với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần. Nhưng trong bài thơ này nổi bật lên giữa thiên nhiên là hình ảnh một chiến sĩ cách mạng nặng lòng “lo nỗi nước nhà”).

– Cảnh vật thiên nhiên hiện lên mang vẻ đẹp của sự trầm mặc, huyền ảo của ánh trăng khuya. Nó không chỉ có màu sắc vàng yên ả mà nó còn có âm thành của tiếng suối chảy róc rách trong trẻo như tiếng hát vỏng lại từ phía xa.

– Câu thơ thứ ba có dấu phẩy ở giữa như cắt ngang hai sự đối lập nhau. Đối với thiên nhiên hiền hòa lung linh yên bình đẹp như vẽ kia là tâm trạng của nhà thơ. Đó là một tâm trạng đầy bất trắc, âu lo không yên bình.

– Người vẫn chưa ngủ chỉ có chưa ngủ thì mới có thể tả hết được cảnh đẹp đêm khuya được. Không phải người thức để ngắm cảnh mà vì Người đang lo nỗi nước nhà.

⇒ Trái ngược với sự hài hòa của thiên nhiên là tâm trạng đầy âu lo của nhà thơ, lo ngày mai chiến tranh, lo ngày mai có giành được độc lập cho dân tộc hay không.

– Tính cổ điển và hiện đại trong phong cách thơ Hồ Chí Minh:

+ Thể thơ đường luật cùng với hình ảnh thiên nhiên làm cho bài thơ có màu sắc cổ điển. Nhưng hình ảnh nhân vật trữ tình “lo nỗi nước nhà” kèm theo sự phá cách trong hai câu cuối đã làm cho bài thơ mang tình hiện đại)

+ Nhận định về giá trị tư tưởng, nghệ thuật của bài thơ: Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ

**3. Kết bài:**

Với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọc, xúc tích, hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển mà bình dị, gần gũi, bài thơ vừa vẽ lên bức tranh thiên nhiên tại chiến khu Việt Bắc hiền hòa với màu sắc của ánh trăng, sống động trong trẻo với âm thanh của tiếng suối, lại vừa thể hiện tâm trạng âu lo của nhà thơ qua đó thấy được tấm lòng đối với thiên nhiên và con người của nhà thơ vĩ đại.

**GV phát phiếu học tập số 4.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Phân tích bài thơ Nguyên tiêu của Hồ Chí Minh.**

“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên;
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**A.** Mở bài:
– Giới thiệu những hiểu biết về Bác Hồ Chí Minh (là một vị lãnh tụ, nhà thơ, nhà thi sĩ tài ba,….)
– Giới thiệu bài thơ “Rằm tháng giêng ” và cảm nghĩ của em về bài thơ. (Có thể nêu chút ít về hoàn cảnh)
B. Thân bài:
– Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác
 Rằm xuân lồng lộng trăng soi
– Thời gian và không gian trong hai câu thơ đầu của bài thơ “Nguyên tiêu” như đã tràn ngập vẻ đẹp và sức xuân.
– Rằm xuân -> Hai từ này đã gợi cho chúng ta những liên tưởng không thể khác nhau đó là hình ảnh mặt trăng tròn đầy, ánh trăng bao trùm vạn vật trong đêm nguyên tiêu -> có cảm giác ánh trăng chưa bao giờ đẹp và tròn như thế.
 Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
– Dưới ánh trăng sáng trong thật đẹp dẽ đó, điệp từ “xuân” gợi hình ảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống của mùa xuân: cây cối, sông nước, bầu trời, mây gió,… trong đêm rằm đầu năm.
– Cảnh vật vừa như có chiều cao của ánh trăng vừa có chiều rộng của sông nước “tiếp” giáp với bầu trời
-> Tạo ra một không gian bao la vô tận.
– 2 câu thơ này không tả mà giàu sức gợi hình ảnh, nhưng chứa đựng rất nhiều tâm trạng và nỗi lòng trong đó, như gợi màu sắc dù nó là bức tranh về cảnh khuya có 2 gam màu trắng và đen, sáng tối
-> Người đọc như cảm thấy thích thú khi hình dung cảnh đêm xuân đẹp bao nhiêu thì càng cảm phục cái tài thơ của Bác bấy nhiêu…
Giữa dòng bàn bạc việc quân
– Chuyển ý
– Trong khung cảnh nên đẹp và thơ mộng đến đi vào trong thơ ấy, giữa nơi mịt mù khói sóng Bác Hồ đang làm gì? Ánh trăng tuyệt đẹp kia không thể làm Bác xao lãng việc nước, việc quân
 *Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*
– Khuya rồi vậy mà trăng vẫn “mãn thuyền” vẫn như đang ngân nga đầy thuyền, trăng tràn ngập khắp nơi, tràn cả không gian rộng lớn, vẫn chờ, vẫn đợi cho dù Bác có bận đến đâu.
– Con thuyền nhỏ cứ lờ lững xuôi dòng trong đêm nhưng không hề tối vì đã có ánh trăng đồng hành như một người bạn chung thủy sâu sắc -> thật hạnh phúc biết bao nhiêu
– Trăng như đã gắn bó với người nghệ sĩ biết thưởng lãm, biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên hay nói gần hơn là vẻ đẹp của ánh trăng
– Trong hoàn cảnh đất nước còn có biết bao nhiêu khó khăn gian khổ, ta vẫn cảm nhận sự hòa hợp kì diệu giữa cảnh và người
-> thể hiện phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác về tương lai đât nước tươi sáng -> kính yêu Bác hơn
C. Kết bài:
Bài thơ “Rằm tháng giêng” giúp người đọc như đã hình dung một cách cụ thể bức tranh đêm trăng trên sông nước thật đẹp, hiểu thêm tấm lòng yêu dân, yêu nước, yêu thiên nhiên sâu sắc của vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già kính yêu của dân tộc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| Mục tiêu 2: Giúp HS- Biết viết đoạn văn ứng với nhiệm vụ từng phần trong bài viết phân tích một tác phẩm văn học. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)HS tiếp nhận nhiệm vụ:* + Chọn một dàn bài đã lập mà em ưng ý nhất theo những đề văn trên.
	+ Viết bài văn hoàn chỉnh theo dàn ý đã lập sẵn.

B2: Thực hiện nhiệm vụGV:- Hướng dẫn HS viết thành bài.HS:-Luyện viếtB3: Báo cáo thảo luận- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.- HS:- Đọc sản phẩm của mình.- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.B4: Kết luận, nhận định (GV)- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. | **LUYỆN VIẾT VĂN THEO DÀN Ý** **BÀI VIẾT THAM KHẢO CHO ĐỀ VĂN PHÂN TÍCH BÀI THƠ NGUYÊN TIÊU CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH** Bài thơ “Nguyên tiêu” (Rằm tháng giêng) là một trong những bài thơ nổi tiếng của chủ tịch Hồ Chí Minh. Bài thơ đã khắc họa được khung cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng cũng như qua đó bày tỏ tấm lòng yêu nước sâu nặng của Người:“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên;Yên ba thâm xứ đàm quân sự,Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”Có lẽ hình ảnh ánh trăng không còn xa lạ gì trong thơ ca. Ta đã từng bắt gặp ánh trăng nhớ trong thơ Lý Bạch:“Sàng tiền minh nguyệt quang,Nghi thị địa thượng sương.Cử đầu vọng minh nguyệt,Đê đầu tư cố hương.”(Đầu giường ánh trăng rọi,Ngỡ mặt đất phủ sương.Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,Cúi đầu nhớ cố hương)Ánh trăng trong thơ Lý Bạch dường như mang nỗi nhớ về quê hương. Còn trong “Rằm tháng giêng” của Hồ Chí Minh, ánh trăng lại mang một ý nghĩa khác.Nhà thơ đã xây dựng hình ảnh ánh trăng trong một đêm rằm tháng giêng với vẻ đẹp “nguyệt chính viên” - đó là lúc trăng ở vào độ tròn đầy và sáng nhất. Ánh trăng trong đêm rằm vốn đã đẹp nhưng ánh trăng trong đêm rằm tháng giêng lại đẹp hơn cả. Không chỉ vậy, sắc xuân từ ánh trăng giống như đang bao trùm lên mọi cảnh vật khiến cho “sông xuân”, “nước xuân” và “trời cũng thêm xuân”. Từ “xuân” được điệp lại tới ba lần như muốn khẳng định sắc xuân đang lan tỏa khắp không gian. Không gian ấy mở rộng ra cả ba chiều: chiều cao, chiều rộng và chiều sâu làm cho cảnh vật thiên nhiên trở nên rộng lớn hơn chứ không bó hẹp. Sự nối tiếp giữa “sông xuân”, “nước xuân” và “trời xuân” cũng gợi ra vẻ đẹp giao hòa giữa bầu trời và mặt đất đều tràn ngập ánh trăng. Trong bức tranh thiên nhiên đầy thơ mộng đó, người chiến sĩ cách mạng vẫn không quên đi một nhiệm vụ quan trọng. Những năm tháng chiến tranh, mọi công việc hoạt động cách mạng đều phải diễn ra một cách âm thầm và kín đáo. Chính vì vậy, những người chiến sĩ cách mạng đã lựa chọn thời điểm trong đêm khuya để bàn bạc việc quân việc nước. Vì quá say sưa bàn luận mà họ dường như quên mất đi thời gian, để đến khi công việc đã xong xuôi mới nhận ra đêm đã khuya. Và ánh trăng lúc này cũng là sáng nhất. Hình ảnh “con thuyền” ẩn dụ cho sự thắng lợi của cách mạng. Con thuyền chứa đầy ánh trăng giống như thắng lợi của cách mạng không còn xa nữa. Đó chính là niềm tin của Bác Hồ vào sự nghiệp đấu tranh của dân tộc. Như vậy, bài thơ “Rằm tháng giêng” đã khắc họa được bức tranh thiên nhiên trong đêm rằm tháng giêng đầy thơ mộng cùng tình yêu nước sâu sắc của Hồ Chí Minh. Không chỉ vậy, người đọc cũng thấy được một tâm hồn thi sĩ đầy tinh tế nhạy cảm của Bác Hồ. |

* **HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ**

**GV phát phiếu học tập số 5:**

**TÌM Ý, LẬP DÀN Ý VÀ VIẾT THÀNH BÀI VĂN HOÀN CHỈNH CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Phân tích bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan.**

“Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn

Gác mái, ngư ông về viễn phố

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn

Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn”

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trong làng thơ Việt Nam, có những nữ sĩ để lại cho thơ ca dân tộc những dấu ấn đẹp. Nếu thơ Hồ Xuân Hương tài ba, ngạo mạn thì thơ bà Huyện Thanh Quan lại trang nhã, trữ tình và duyên dáng. Đọc thơ bà, ta thấy nỗi buồn man mác, tâm trạng hoài cổ thật thanh cao đượm sự cô đơn, trống vắng. Một trong những bài thơ đó là tác phẩm Chiều hôm nhớ nhà. Tìm hiểu bài thơ ta sẽ thấy tài thơ điêu luyện của Bà:

*Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn*

*Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn*

*Gác mái, ngư ông về viễn phố*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn*

*Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn*

 Ở hai câu đề, khoảng thời gian là trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn. Ánh sáng vẫn còn đó, nhưng chỉ còn là ánh lờ mờ của ngày tàn và đêm sắp tới. Câu thơ chỉ giới thiệu thời gian mà người đọc như cảm thấy cả không gian một vùng quê rộng lớn. Trước thiên nhiên ấy, giữa trời và đất, có một cái gì đó tràn ngập con người nhạy cảm. Buổi chiều là thời gian dễ buồn nhất và đó cũng là khoảng thời gian thường xuất hiện trong thơ của bà Huyện Thanh Quan. Con người trong cuộc sống hỗn độn, ồn ào vẫn có một lúc nào đó trở về với cái bình yên muôn thuở của thiên nhiên, về với chính lòng mình. Và lúc này chính là khoảnh khắc đó của nữ sĩ.

*Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn*

Âm thanh từ xa vẳng đến như thúc giục, nhưng vẫn có cái trầm lặng trong đó báo hiệu cho mọi người: ngày sắp hết. Ta như gặp một nét thân quen, man mác của câu ca dao:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau*

*Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

 Tâm trạng của tác giả đã phần nào được ngầm hiểu trong cách lựa chọn thời gian, không khí và thanh âm. Trong cảnh chiều, trong tiếng gọi tàn ngày đó, con người hiện ra:

*Gác mái, ngư ông về viễn phố*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

Câu thơ với nhịp 2/5 làm cho ta có cảm giác hoạt động con người đang giảm dần, đang đi tới kết thúc. Phép đối rất chuẩn cùng với những từ Hán Việt đã góp phần tạo nên vẻ trang nhã, cổ kính của hai câu thơ gợi tả này. Trước cảnh thiên nhiên to lớn, con người thật nhỏ, yếu thế và có phần đơn độc. Đó cũng là đặc điểm của thơ Thanh Quan. Gặp cảnh và người ở đây ta không thể không liên tưởng đến cảnh và người.

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*

Trong Qua đèo Ngang của cùng tác giả, cảnh và người đều vậy: lặng lẽ, đượm buồn. Ta có cảm giác nhà thơ cũng đang lặng lẽ, thẩn thờ. Và con đường trước mắt bà thì sao, hai câu luận đã vẽ ra khung cảnh:

*Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

Khoảng đường trước mắt như vô tận. Chim bay mỏi mà chưa tới nơi, khách bước dồn mà chưa tới chốn. Con đường đi hay con đường đời đang dàn trải? Phép đối từng cặp hình ảnh ngàn mây dặm liễu, gió cuốn - sương sa, chim bay mỏi - khách bước dồn làm ý thêm nhấn mạnh. Những từ ngữ bước dồn, bay mỏi cho thấy tâm trạng chán chường, mỏi mệt của nhà thơ. Tâm trạng ấy tất dẫn đến hai câu thơ kết thúc:

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn*

Không có ai để tâm sự, trời đất thì bao la, vắng lặng, trống trải, khiến tác giả quay về với nội tâm, với lòng buồn sẵn có của mình. Câu thơ cuối, vừa như một câu cảm, vừa như một câu hỏi. Ta đã từng bắt gặp những câu thơ tài ba đó trong thơ bà:

 *Dừng chân đứng lại, trời non nước*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta*

(Qua đèo Ngang)

Và

 *Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường*

(Thăng Long hoài cổ)

Qua đó, ta càng hiểu được nỗi niềm tâm sự của tác giả. Mang tiếng nói của tầng lớp quý tộc phong kiến đang trên đường suy thoái, thơ Thanh Quan biểu hiện một khía cạnh tư tưởng của văn chương thế kỉ 18 - 19, phản ánh tâm tư của lớp nho sĩ chán nản bế tắc. Tiếng thơ đó cũng biểu hiện tâm trạng hoài cổ, thiết tha nhớ nhà Lê đã suy vi. Phải chăng đó cũng là tâm tình của tập đoàn phong kiến đã hết thời vàng son, hết vai trò lịch sử? Đặt bài thơ của nữ sĩ vào bối cảnh lịch sử như thế, ta có biểu hiện sâu thêm cái buồn trong lòng bà: cái buồn thời đại.

Thơ bà buồn, nhưng không vì thế mà mất vẻ đẹp gợi cảm. Trái lại, nhờ vậy càng tăng thêm phần đặc sắc. Thơ bà đẹp một cách trầm lặng như chính tâm hồn bà.

 Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan mãi mãi đưa đến cho chúng ta những cảm xúc chân thành, đậm đà trước nét buồn thanh tao, đưa đến những suy nghĩa sâu xa hơn về con người và xã hội. Một bài thơ đóng lại nhưng còn mở ra, tạo nên một dư âm trong lòng người đọc.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/